

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 26-02-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu.

Ông Nguyễn Thanh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện C tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Dư Trọng Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2024 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày và đưa ra yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2024, ông Dư Trọng Đ có mượn (vay) của ông Nguyễn Văn T số tiền 280.000.000 đồng với lý do làm thủ tục cho con đi nước ngoài với thời gian hoàn trả vào ngày 17/8/2024. Đúng hẹn, ông Nguyễn Văn T đến nhà và yêu cầu ông Dư Trọng Đ thanh toán số tiền đã vay nhưng không gặp trực tiếp và không liên lạc được bằng điện thoại.

Nay Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Dư Trọng Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền đã vay là 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cung cấp tài liệu chứng cứ bao gồm:

+ CCCD của Nguyễn Văn T, Dư Trọng Đ (bản photo);

+ Giấy cam kết mượn tiền được đánh máy và viết tay trên giấy A4 (photo).

+ “Giấy cam kết mượn tiền” đề ngày 17/6/2024 được đánh máy, viết tay bằng mực màu xanh trên 01 mặt giấy A4 phần cuối có chữ ký bằng mực màu xanh có thông tin ký tên, ghi tên Nguyễn Văn T, Dư Trọng Đ, Nguyễn Văn V có nội dung ghi bằng mực màu xanh “Tôi có nhận đủ số tiền của cháu Thìn đưa 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu đồng)”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày về quá trình vay tiền: Cách đây vài năm, sau thời gian quen biết do ông Dư Trọng Đ có nhu cầu vay tiền để làm thủ tục cho con đi nước ngoài và nhờ nguyên đơn cho vay tiền là 280.000.000 đồng. Khi đó đến ngày 17/6/2024 nguyên đơn và ông Dư Trọng Đ tiến hành giao tiền số tiền 280.000.000 đồng với thỏa thuận một tháng sau là vào ngày 17/7/2024 trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận bằng lãi của Ngân hàng cho vay. Tuy nhiên ông Dư Trọng Đ không thực hiện đúng cam kết và đến nay chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền cả gốc cũng như lãi. Do đó nguyên đơn khởi kiện ông Dư Trọng Đ để yêu cầu trả tiền số gốc là 280.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do nguyên đơn quá nôn nóng đòi tiền nên ghi trong đơn là ông Dư Trọng Đ lừa đảo, thực tế ông Dư Trọng Đ có con làm thủ tục đi nước ngoài. Vì vậy nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp này, không yêu cầu cơ quan nào khác giải quyết và không yêu cầu phải chuyển hồ sơ qua Công an. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại nhà của nguyên đơn tại Ấp A, xã B, huyện C tỉnh Sóc Trăng có người chứng kiến là anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1972 – Địa chỉ: Ấp G, xã H. Khi giao tiền, nguyên đơn có được người bạn cho mẫu giấy cam kết mượn tiền có nội dung trống để điền vào. Khi nhận tiền, ông Dư Trọng Đ đã tự tay ghi vào nội dung có mẫu sẵn. Khi ông Dư Trọng Đ nhận tiền, ông Dư Trọng Đ đã giao bản sao Căn cước công dân tên ông Dư Trọng Đ để làm tin. Nguyên đơn thì giao tiền cho ông Dư Trọng Đ và ông Dư Trọng Đ cũng xác nhận vào phần cuối của biên nhận trên.

Trong trình giải quyết vụ án, người làm chứng Nguyễn Văn V trình bày:

Việc giao nhận tiền vay giữa ông Nguyễn Văn T với ông Dư Trọng Đ vào ngày 17/6/2024 ông Nguyễn Văn V chứng kiến toàn bộ sự việc. Cụ thể vào ngày 17/6/2024, do ông Nguyễn Văn V thường đến nhà của Nguyễn Văn T chơi do ông Nguyễn Văn V có chăn nuôi gà, thường xuyên qua lại trao đổi kinh nghiệm trong chăn nuôi. Nên ngày 17/6/2024, ông Nguyễn Văn V đã đến nhà của Nguyễn Văn T trước khi ông Dư Trọng Đ đến và chứng kiến việc hai bên thỏa thuận, giao tiền, ghi biên nhận cũng như ông Dư Trọng Đ có để lại bản sao giấy căn cước. Ông Nguyễn Văn V thấy hai bên thỏa thuận với nhau về việc ông Dư Trọng Đ vay tiền ông Nguyễn Văn T số tiền 280.000.000 đồng với thỏa thuận lãi bằng lãi vay Ngân hàng, thỏa thuận sau một tháng trả gốc và lãi kể từ ngày vay. Ông Dư Trọng Đ là người ghi biên nhận cho ông Nguyễn Văn T, nhận tiền ông Dư Trọng Đ cũng xác định đủ số tiền đã nhận.

Cũng như ông Đur Trọng Đ đưa giấy bản sao căn cước công dân của ông Đur Trọng Đ làm tin.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đur Trọng Đ vắng mặt:***

Vào các ngày 01/11/2024 và 02/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã tiến hành xác minh về ông Đur Trọng Đ. Kết quả xác minh đã xác định được ông Đur Trọng Đ vẫn còn đăng ký thường trú và còn sinh sống tại Ấp D, xã E, huyện C. Thời điểm ngày 17/6/2024 ông Đur Trọng Đ vẫn còn đăng ký thường trú và có mặt tại địa phương.

* Tại phiên tòa hôm nay,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đur Trọng Đ hoàn trả lại số tiền gốc là 280.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Bị đơn ông Đur Trọng Đ vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền gốc là 280.000.000 đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện buộc ông Đur Trọng Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 280.000.000 đồng được xác định đây là vụ án dân sự với quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đur Trọng Đ có địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về giải quyết vắng mặt: Bị đơn ông Dư Trọng Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Dư Trọng Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo nội dung trình bày và tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào ngày 17/6/2024 ông Dư Trọng Đ và ông Nguyễn Văn T đã xác lập giao dịch vay tiền với nội dung được thể hiện trong “Giấy cam kết mượn tiền” đề ngày 17/6/2024 được đánh máy, viết tay bằng mực màu xanh trên 01 mặt giấy A4 phần cuối có chữ ký bằng mực màu xanh có thông tin ký tên, ghi tên Nguyễn Văn T, Dư Trọng Đ, Nguyễn Văn V có nội dung ghi bằng mực màu xanh “Tôi có nhận đủ số tiền của cháu Thìn đưa 280.000.000 hai trăm tám mươi triệu đồng”. Nội dung này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Văn V cũng như lời khai của ông Nguyễn Văn T và phù hợp với kết quả xác minh thời điểm ngày 17/6/2024 ông Dư Trọng Đ vẫn có mặt tại địa phương. Nên căn cứ vào Điều 93, khoản 1, 3, 4, 10 Điều 94 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vào ngày 17/6/2024, ông Dư Trọng Đ có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 280.000.000 đồng.

[2.2] Nội dung vay “Giấy cam kết mượn tiền” đề ngày 17/6/2024 không đề cập đến cách tính lãi vay và thỏa thuận một tháng sau là vào ngày 17/7/2024. Quyền và nghĩa vụ của các bên cũng được xác định cụ thể. Đối với hợp đồng vay tài sản trên, số tiền các bên đã giao nhận cho nhau xong, không phát sinh tranh chấp về số lượng. Thời hạn trả tiền là ngày 17/7/2024, do đó Hội đồng xét xử xác định có đủ căn cứ để xác định thời hạn trả tiền là ngày 17/7/2024.

[2.3] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa ông Dư Trọng Đ với ông Nguyễn Văn T xác lập giao dịch vay tài sản với số tiền 280.000.000 đồng, hình thức vay có lãi và có kỳ hạn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015. Tại khoản 1 Điều 469 quy định “...2. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không yêu cầu lãi suất đối với số tiền 280.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do đó nghĩa vụ của bên vay là ông Dư Trọng Đ phải thực hiện trả tiền theo quy định tại khoản 1 và 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định

“ ...

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác

...

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác....

[2.4] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T kiện ông Dư Trọng Đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T buộc ông Dư Trọng Đ trả số tiền 280.000.000 đồng được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đối với ông Dư Trọng Đ là người có nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và ông Dư Trọng Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 1, 3, 4 và 10 Điều 94, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271 và Điều 273 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 463, 466, 470 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

1/ Buộc ông Dư Trọng Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T là: 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành

xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ Tòa án số 0006672 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú.

- Buộc ông Dư Trọng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và ông Dư Trọng Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (P.KT, TT&THA);
- VKSND huyện LP;
- Chi cục THADS huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thái Ngọc